

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST  
Ngày: 05-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Chân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Phan Thanh P, sinh ngày 28/10/1998, tại: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi thường trú: tổ 02, khóm 3, phường E, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Phan Thanh V (chết); họ tên mẹ: Nguyễn Thị T (chết); anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền sự: Ngày 03/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố K quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở điều trị, cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong;

Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22/5/2020 cho đến nay, có mặt.

***Bị hại:*** Ông Hà Minh S, sinh năm 1966; địa chỉ: số 213, đường Z, khóm F, phường D, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: hẻm 85, đường T, khóm 1, phường E, thành phố K, tỉnh An

Giang; vắng mặt.

*Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn TH; vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Hồng LU; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích có tiền mua ma túy sử dụng, khoảng 02 giờ ngày 29/02/2020, bị cáo P điều khiển xe đạp chở Đen (không rõ họ, tên, địa chỉ) lưu thông trên đường Z để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực khóm F, phường D, thành phố K, phát hiện nhà ông Hà Minh S đang tổ chức tiệc cưới, không đóng cửa, không người trông coi, bị cáo dừng xe, đứng bên ngoài cánh giới cho Đen vào trong lấy trộm 02 chân đèn bằng kim loại, màu vàng và 01 lư đồng. Sau đó, bị cáo và Đen mang bán cho Huỳnh Văn T được 1.300.000 đồng và dùng tiền mua ma túy sử dụng hết.

Vật chứng thu giữ do Huỳnh Văn T giao nộp: 02 chân đèn bằng kim loại màu vàng và 01 lư bằng đồng; đã trao trả cho bị hại Hà Minh S.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 69/KL-ĐG ngày 12/3/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: 01 lư bằng đồng; 02 cái chân đèn bằng kim loại màu vàng, trị giá 3.000.000 đồng.

Ngày 08/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phan Thanh P.

Đối với người tên Đen, cơ quan điều tra chưa xác định được họ, tên, địa chỉ nên chưa thể làm việc, ghi nhận lời khai.

Bị hại Hà Minh S đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu bị cáo cầu bồi thường.

Ông Huỳnh Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Cáo trạng số 49/CT-VKSCĐ ngày 13/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Phan Thanh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, thống nhất kết quả định giá tài sản.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định Phan Thanh P đã có hành vi lén lút lấy trộm của Hà Minh boor 01 bộ lư đồng (thân lư, 02 cái chân đèn) trị giá 3.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Phan Thanh P từ 09 tháng đến 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã trả lại cho bị hại, người liên quan nên không đề cập đến.

Người thanh niên tên Đen (không rõ lai lịch), Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Huỳnh Văn T, khi giao dịch mua tài sản, không biết do Phan Thanh P phạm tội mà có, tuy không xử lý, nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng,*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

*Về nội dung,*

[3] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập, đã được thẩm tra tại phiên tòa như: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, có căn cứ xác định:

Khoảng 02 giờ ngày 29/02/2020, quan sát nhà bị hại S (thuộc khu vực khóm F, phường D, thành phố K, tỉnh An Giang) đang tổ chức lễ cưới, không đóng cửa, không ai quản lý tài sản nên bị cáo đã có hành vi đứng bên ngoài cánh giới cho Đen vào trong trộm cắp 02 mâm đèn bằng kim loại, màu vàng và 01 lư đồng, với tổng giá trị được xác định là 3.000.000 đồng theo Kết luận số 69/KL-ĐG ngày 12/3/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K.

Tài sản bị cáo trộm thuộc quyền sở hữu của ông S, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích có tiền mua ma túy sử dụng.

Từ đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nên Quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần lao động, học lực thấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

[5] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội với mục đích có tiền mua ma túy sử dụng.

Bị cáo có 01 tiền sự, bị Tòa án nhân dân thành phố K quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở điều trị, cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng. Đáng lẽ, sau khi chấp hành xong cai nghiện, bị cáo phải lấy đó làm bài học, biết sống tích cực hơn và có ích cho xã hội. Nhưng bị cáo lại tiếp tục nghiện ma túy, dẫn đến phải trộm cắp tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra gia trả bị hại đã nhận lại 02 chân đèn bằng kim loại, màu vàng và 01 lư đồng, là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại là đúng quy định.

[8] Vấn đề khác:

Đối với đối tượng Đen, cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Khi nhận mua 02 chân đèn bằng kim loại, màu vàng và 01 lư đồng từ bị cáo, cho ông T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm của ông T.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo: Phan Thanh P phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh P 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ 22/5/2020 (*hai mươi hai, tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Phan Thanh P phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Nguyễn Quang Chân**